

Phụ lục 01: Phạm vi công việc mua sắm vật tư sửa chữa các van, damper đường khói IDF và bơm rửa cao áp GGH - NMND Thái Bình 2
(Đính kèm Công văn số /NMDTB2-TM ngày /9/2026)

Stt	Mã chuẩn hóa vật tư	Danh mục hàng hóa, dịch vụ	Thông số kỹ thuật/ Yêu cầu kỹ thuật	Nhà sản xuất, xuất xứ	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền	Ghi chú
		Bearing	NU2212 EM -TMB	TMB/Tương đương	Cái	6			
		Bearing	NJ2218 EM-TMB	TMB/Tương đương	Cái	6			
		Khớp nối mềm cao su	DN 2 1/2 in - 65mm kết nối mặt bích tiêu chuẩn DIN PN16 vật liệu Inox	China/ tương đương	Cái	3			
		Lò xo	D 2 mm-OD 26 mm-L 30 mm, thép hợp kim 60Si2	China/ tương đương	Cái	9			
		Lò xo	D 2 mm-OD 22 mm-L 20 mm, thép hợp kim 60Si2	China/ tương đương	Cái	9			
		Oil Seal	NAK TC 60x85x8 5c	NAK/Tương đương	Cái	3			
		Ổng cao su bổ vái	Ø50, độ dày 5.5mm, áp lực làm việc ≥ 10bar	China/ tương đương	M	6			
		Thanh truyền chuyển động đóng mở damper quạt khói ID Fan	Thanh truyền 2 đầu rotoyn điều chỉnh (cứng vào và cứng ra, có ecu khóa hãm sau điều chỉnh) Đầu rotoyn M24 Thanh ren điều chỉnh M30xL300 Thanh ống điều chỉnh Ø65xL1030 TB2-SDC.VP101-00HNA-M-M1A-DSE-5003 Rev0.pdf (cụm chi tiết số 12)	WUXI HUATONG ENVIRONMENTAL PROTECTION EQUIPMENT CO.,LTD/ Tương đương	Bộ	12			Bản vẽ đính kèm
	83373024	Kim hàn tig	Kim tig; 2.4x175mm		Chiếc	100			
		Packing ring (chi tiết 41 theo bản vẽ) (VAN MỘT CHIỀU COLD REHEAT 11LBC11AA701)	Molded graphite (do thực tế 1 vòng: 98x70x14) (VAN MỘT CHIỀU COLD REHEAT: TB2-SDC.VPM210171-00100-M-M1B-DRD-0003_Rev1)	Weir Valves & Controls USA Inc/ Tương đương	Cái	6			Bản vẽ đính kèm
		Wiper ring (chi tiết 42 theo bản vẽ) (VAN MỘT CHIỀU COLD REHEAT 11LBC11AA701)	Braided graphite (do thực tế: 98x70x14) (VAN MỘT CHIỀU COLD REHEAT: TB2-SDC.VPM210171-00100-M-M1B-DRD-0003_Rev1)	Weir Valves & Controls USA Inc/ Tương đương	Cái	4			Bản vẽ đính kèm
		Carbon spacer (chi tiết 46 theo bản vẽ) (VAN MỘT CHIỀU COLD REHEAT 11LBC11AA701)	Graphite (do thực tế: 98x70x42) (VAN MỘT CHIỀU COLD REHEAT: TB2-SDC.VPM210171-00100-M-M1B-DRD-0003_Rev1)	Weir Valves & Controls USA Inc/ Tương đương	Cái	2			Bản vẽ đính kèm
		Gasket (chi tiết 22 theo bản vẽ) (VAN MỘT CHIỀU COLD REHEAT 11LBC11AA701)	Spiral wound gasket (kích thước 992.2x1041.4x1092.2x1139.8) x t4.5 class 600. Material: graphite + SST (VAN MỘT CHIỀU COLD REHEAT: TB2-SDC.VPM210171-00100-M-M1B-DRD-0003_Rev1)	Weir Valves & Controls USA Inc/ Tương đương	Cái	1			Bản vẽ đính kèm
	58560070	Packing van nước cấp 100% lên lò (chi tiết 25 theo bản vẽ) (VAN TỔNG 100% 12LAB10AA002)	Graphite (do thực tế : 70x50x70) (VAN TỔNG 100%: TB2-SDC.VP101-00100-M-M1A-DSU-0052_RevA)	Qingdao Power station Valve Co.,LTD/ Tương đương	Bộ	1			Bản vẽ đính kèm
	58561190	Gasket rings van nước cấp 100% lên lò (chi tiết 6 theo bản vẽ) (VAN TỔNG 100% 12LAB10AA002)	316+Graphite (do thực tế : 491.8x429x50x20) (VAN TỔNG 100%: TB2-SDC.VP101-00100-M-M1A-DSU-0052_RevA)	Qingdao Power station Valve Co.,LTD/ Tương đương	Cái	1			Bản vẽ đính kèm
	48543022	Packing ring End van nước cấp 70% lên lò (chi tiết 13A,13B theo bản vẽ) (VAN 70% 12LAB10AA201)	Packing "For Gate valve (Size and figure: 20"B22-4054P-02TS, class 2500); OD121 x ID102 x 11 mm (include: 02 rings braided graphite + 05 rings dieformed flexible graphite) Drawing number : X012-872489-001 t=305 oC; P=28.5 MPa. P/N: 9079-034-535/230 " (do thực tế : 121x102x11 gồm 2 vòng braided graphite và 5 vòng die-formed flexible graphite) (VAN 70%: TB2-SDC.VP101-00100-M-M1A-DSU-0044 Rev.A)	VELAN/Tương đương	Bộ	1			Bản vẽ đính kèm
Tổng cộng thành tiền trước VAT									
Thuế VAT									
Tổng cộng thành tiền sau VAT									
Bảng chữ:									

